**ĐỀ KIỂM TRA ĐỀ XUẤT GIỮA HỌC KÌ II**

**NĂM HỌC 2023-2024**

Kì kiểm tra: Kiểm tra chất lượng giữa học kì II

Môn kiểm tra: TOÁN 8

Thời gian làm bài: 90 phút

Họ và tên người ra đề: Lương Thị Thanh Hoà

**1A. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ: KTGK II MÔN TOÁN – LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  (1**)** | **Chương/Chủ đề**  (2) | **Nội dung/đơn vị kiến thức**  (3) | **Mức độ đánh giá**  (4-11) | | | | | | | | | | | | | | | | **Tổng % điểm**  (12) | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | | **Vận dụng** | | | | | **Vận dụng cao** | | | |  | | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | | | **TL** | | **TNKQ** | | **TL** | | |  | | |
| **1** | **Chủ đề 1: Một số yếu tố thống kê và xác suất.** | Nội dung 1: Thống kê. | 2  (TN6, 8)  0,5 |  |  | | 1  (TL 13)  2,0 | | 1  (TN4)  0,25 | | |  | |  | |  | | | 2,75 | | |
| Nội dung 2: Xác suất. | 2  (TN 1,3)  0,5 | 1  (TL14a)  0,75 |  | |  | | 1  (TN2)  0,25 | | | 1  (TL14b)  0,75 | |  | |  | | | 2,25 | | |
| **2** | **Chủ đề 2: Tam giác đồng dạng** |  | 2  (TN11;5)  0,5 |  | 2  (TN10;6)  0,5 | | 1  (TL15a)  1,5 | | 1  (TN9,12)  0,5 | | | 1  (TL15b)  1,0 | |  | | 1  (TL15c)  1,0 | | | 5 | | |
| **Tổng** | | | 1,5đ | 0,75 | **0,5đ** | **3,5đ** | | **1,0đ** | | | 1,75đ | |  | | 1,0đ | | | | **10** | | |
| **Tỉ lệ %** | | | **22,5%** | | **40%** | | | **27,5%** | | | | | **10%** | | | | **100** | | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **62,5%** | | | | | | | **37,5%** | | | | | | | | | **100** | | |

**1B. BẢN ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ II MÔN TOÁN - LỚP 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biêt** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chủ đề 1: Một số yếu tố thống kê và xác suất.** | Nội dung 1: Thống kê. | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản. | 3  (TN7,8) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**  – Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác |  | 1  (TL 13) |  |  |
| Nội dung 2: Xác suất. | **Vận dụng:**  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (*pie chart*); biểu đồ đoạn thẳng (*line graph*).  – So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu. |  |  | 1  (TN4) |  |
|  | **Nhận biết:**  – Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản. | 2  (TN1,3)  (TL14a) |  |  |  |
| **Vận dụng:**  – Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản. |  |  | 2  (TN2)  (TL14b) |  |
| **2** | **Chủ đề 2: Tam giác đồng dạng** |  | **Nhận biết:**  – Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác. | 2  (TN: 5;11) |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó).  – Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo).  – Giải thích được tính chất đường phân giác trong của tam giác.  – Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng. |  | 2  (TN10)  (TL15b)  (TN 6) |  |  |
| **Vận dụng:**  – Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). |  |  | 1  (TN9,12)  (TL15b) |  |
| **Vận dụng cao:**  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với việc vận dụng định lí Thalès |  |  |  | 1  (TL15c) |
| **Tổng** | | |  | 2,25 | 3,75 | 3 | 1 |
| **Tỉ lệ %** | | |  | 22,5 | 37,5 | 30 | 10 |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | 60 | | 40 | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: TOÁN 8**

**NĂM HỌC 2023-2024**

Thời gian 90 phút không kể thời gian giao đề

**A. TRẮC NGHIỆM*. (3 điểm)***

Trong mỗi câu sau hãy chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

**Câu 1:** Gieo một con xúc xắc. Xác suất để mặt chấm chẵn xuất hiện là:

A. 0, 2. B. 0, 3. C. 0, 4 D. 0, 5.

**Câu 2 :** Một xạ thủ bắn 20 mũi tên vào một tấm bia. Điểm số ở các lần bắn được cho bởi bảng sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 7 | 8 | 9 | 9 | 8 | 10 | 10 | 9 | 8 | 10 |
| 8 | 8 | 9 | 10 | 10 | 7 | 6 | 6 | 9 | 9 |

Xác suất thực nghiệm để xạ thủ bắn được ít nhất 8 điểm là:

A. 55% B. 80% C.70%                   D. 25%.

**Câu 3 .** Lan quay tấm bìa và thấy mũi tên chỉ vào ô số 3 như hình. Hãy cho biết sự kiện nào sau đây xảy ra

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. Mũi tên chỉ vào ô ghi số 2 | 1. Mũi tên chỉ vào ô ghi số nhỏ hơn 5 | Phiếu trắc nghiệm Toán 8 cánh diều: Bài tập cuối chương VI |
| 1. Mũi tên chỉ vào ô ghi số chẵn | 1. Mũi tên chỉ vào ô ghi số lớn hơn 3 |

**Câu 4 :** Trong trò chơi đoán tên các tỉnh thành của Việt Nam, chị Phương ghi tên tất cả 63 tỉnh thành của Việt Nam (năm 2022) vào 63 phiếu, tên mỗi tỉnh thành được ghi vào đúng 1 phiếu và bỏ tất cả các phiếu đó vào hộp kín. Bạn Hoa chọn ngẫu nhiên 1 phiếu. Số kết quả thuận lợi cho biến có “Tên của tỉnh thành ghi trên phiếu mà bạn Hoa chọn ra được bắt đầu bởi chữ Hà” là

A. 3. B. 4. C. 2.    D. 1.

**Câu 5** . Chọn câu trả lời ***sai:***

A. Đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba

B. Đường thẳng đi qua trung điểm một cạnh của tam giác và song song với cạnh thứ hai thì đi qua trung điểm cạnh thứ ba

C. Đường trung bình của tam giác thì bằng cạnh thứ ba

D. Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác

**Câu 6**: Cho ΔABC và ΔXYZ đồng dạng. Đỉnh A tương ứng với đỉnh X, đỉnh B tương ứng với đỉnh Y. Biết AB = 3, BC = 4 và XY = 5. Tính YZ?

A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 7**:Loại khoáng sản nào có tỉ lệ về giá trị xuất khẩu nước ngoài cao nhất:  Biểu đồ cột ở hình vẽ bên biểu diễn tỉ lệ về giá trị đạt được của khoáng sản xuất khẩu nước ngoài của nước ta *(tính theo tỉ số phần trăm)* . | |  | | | |
| **A**. Dầu. | **B**. Than đá | | **C**. Sắt. | **D**. Vàng |

**Câu 8 :** Dựa vào biểu đồ cho biết dữ liệu nào là dữ liệu định tính?

**A**. Các loại khoáng sản : Dầu, Than đá, Sắt, Vàng.

**B**. Tỉ lệ về giá trị đạt được của các loại khoáng sản xuất khẩu nước ngoài.

**C**. A & B đều đúng.

**D**. A & B đều sai.

**Câu 9 :**Cho tam giác MPK biết NQ // PK, MN = 1 cm; MQ = 3cm; MK = 12 cm thì:

A. NP = 3cm B. NP = 2cm C. NP =  4cm           D. NP =  5cm

**Câu 10 :**Cho ΔABC, từ M,N là trung điểm của các cạnh AB,AC vẽ MI và NK cùng vuông góc với BC.Tìm câu ***sai:***

A. MI//NK B. MI=NK C. MI=MN D.MN=IK

**Câu 11 :** Chotam giác ABC, đường phân giác góc B cắt AC tại D và cho biết AB = 10cm; BC = 15cm; AD = 6cm. Tính AC?

A. 6cm B. 9cm C. 12cm D. 15cm

**Câu 12 :** Cho tam giác ABC, các đường trung tuyến BD và CE cắt nhau ở G. Gọi I, K theo thứ tự là trung điểm của GB, GC. Tính EI, DK biết AG = 4cm.

A. AE = DK = 3cm. B. AE =3cm, DK = 2cm.

C. AE = DK = 2cm. D. AE = 1cm, DK = 2cm.

**B. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)***

**Câu 13. *(2 điểm)*.** Theo em số liệu nào trong bảng sau là không hợp lí? Vì sao?

a) Một trường THCS phát động phong trào biểu diễn văn nghệ nhân ngày nhà giáo Việt Nam 20 -11 cho học sinh tất cả các lớp. Biết rằng mỗi lớp chỉ biểu diễn tối đa 3 tiết mục. Bảng thống kê số tiết mục đăng kí tham gia diễn văn nghệ của từng lớp như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Lớp | Số tiết mục |
| 6A | 2 |
| 6B | 1 |
| 6C | 3 |
| 7A | 5 |
| 7B | 3 |
| 7C | 2 |
| 8A | 2 |
| 8B | 2 |
| 9A | 3 |
| 9B | 2 |

b) Kết quả 4 bài kiểm tra môn Văn của bạn Hà lần lượt là: 4; -5; 6; 8

**Câu 14. *(1,5 điểm)***

Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có hai chữ số:

a) Tìm số phần tử của tập hợp D gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra.

b) Tính xác suất của biến cố “Số tự nhiên được viết ra là bội của số 8”.

**Câu 15.** ***(3,5 điểm).***

Cho hình thang ABCD (AB // CD). Gọi giao điểm hai đường chéo AC và BD là O. Biết OA = 4cm; OC = 8cm; AB = 5cm.

a) Tính DC. Chứng minh: OA.OD = OC.OB.

b) Qua O kẻ đường thẳng HK vuông góc AB (H ∈ AB , K ∈ CD). Tính 

c) Qua O kẻ đường thẳng song song với hai đáy và cắt AD, BC lần lượt tại E, F, chứng minh: 

**D. ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

**A. TRẮC NGHIỆM** *(3,0 điểm)*

Mỗi câu trả lời đúng cho 0,25 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| **Đáp án** | B | B | B | B | C | B | A | A | A | C | B | C |

**B. TỰ LUẬN** *(7,0 điểm)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Tóm tắt giải** | **Điểm** |
| **13** | 1. Lớp 7A có 5 tiết mục là không hợp lí   Ta thấy mỗi lớp chỉ được tham gia tối đa 3 tiết mục mà số liệu bảng trên đưa ra lớp 7A là 5 tiết mục vì thế bảng số liệu trên đưa ra là không hợp lí . | 0,25  0,5 |
| 1. Số -5 là dữ liệu không hợp lí   vì kết quả của một bài kiểm tra không phải là số âm. | 0,25  0,5 |
| **14** | a)Viết đúng tập hợp  - Tính được số phần tử là 90 | 0,5  0,25 |
| b)Tìm đúng các bội của 8  Tính đúng xác xuất | 0,5  0,25 |
| **15** | Vẽ hình đúng  A H B  E O F  D K C | 0,25 |
| Xét tam giác OCD với AB // CD, ta có:  (hệ quả của định lí Thalès)  Thay số tính đúng DC | 0,25  0,25  0,25 |
| Xét tam giác OCD với AB // CD, ta có:    OA.OD = OC.OB | 0,25  0,25 |
| b) Xét tam giác OAK CÓ AH//KC, ta có:  =(hệ quả của định lí Thalès) | 0,25  0,25 |
| Thay số đúng  Tính đúng | 0,25  0,25 |
| c) | 0,25  0,25 |
| Lập được công thức:  Chứng minh được | 0,25  0,25 |